TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Đinh Văn Ba

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 328/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông báo số 606/TB-TA ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Phú 1, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Lâm B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh A trình bày:

Do quen biết và được gia đình đồng ý nên chị A và anh Nguyễn Lâm B xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị A và anh B sống cùng với gia đình bên chồng tại ấp 8, xã X, huyện Y, tỉnh Long An cho đến cuối năm 2016 thì chị A về nhà cha mẹ ruột tại ấp Tân Phú 1, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang sống cho đến nay.

Đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã; vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Lâm B trình bày:

Anh Nguyễn Lâm B thống nhất về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, nhưng không đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị A trình bày. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay nên chị A yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của Toà án:* Chị Nguyễn Thị Thanh A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Lâm B. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] *Về việc vắng mặt của bị đơn*: Anh Nguyễn Lâm B đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà, nhưng đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử:* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về quan hệ tình cảm vợ chồng; không có con chung; không có tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị A và anh B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị A với anh B thuộc trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B do có mâu thuẫn gia đình, tính tình không hợp nhau. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A và tuyên bố chị A và anh B không phải là vợ chồng.

[5] *Về con chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[7] *Về nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh A đối với anh Nguyễn Lâm B.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố, chị Nguyễn Thị Thanh A với anh Nguyễn Lâm B không phải là vợ chồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo Biên lai số 0005467 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương